

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

NGÔ PHÚ THỊNH

Deep Learning in the Legal System of Vietnam: Opportunities and Challenges

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

Tp. Hồ Chí Minh - 2023

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

NGÔ PHÚ THỊNH

Deep Learning in the Legal System of Vietnam: Opportunities and Challenges

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP
CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC DỮ LIỆU

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS. Nguyễn Thanh Bình

Tp. Hồ Chí Minh - 2023

Lời cảm ơn

Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Khoa học Dữ liệu với đề tài Deep Learning in the Legal System: Opportunities and Challenges là kết quả cố gắng của bản thân tôi sau 4 năm học tập tại Khoa Toán - Tin học, trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-TPHCM và được sự giúp đỡ, động viên từ quý thầy cô, bạn bè và người thân. Qua đây tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến những người đã giúp đỡ tôi trong quá trình học tập - nghiên cứu khoa học vừa qua.

Lời đầu tiên, tôi xin trân trọng gửi đến PGS. Nguyễn Thanh Bình lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất. Thầy không chỉ là người tạo cảm hứng cho tôi đến với chuyên ngành Khoa học Dữ liệu, mà còn là người nhiệt tình hướng dẫn cũng như cung cấp cho tôi những kiến thức, tài liệu khoa học cần thiết phục vụ cho đề tài này.

Tôi rất vui mừng và biết ơn khi được công ty King Attorney hỗ trợ trong quá trình nghiên cứu luận văn của tôi. Công ty King Attorney là một đơn vị uy tín và chuyên nghiệp trong lĩnh vực luật. Tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn chân thành đến anh Đỗ Hữu Chiến, người đã truyền cho tôi nhiều cảm hứng và ý tưởng sáng tạo cho luận văn của tôi. Anh Đỗ Hữu Chiến là một người thầy tuyệt vời và một người bạn đồng hành đáng tin cậy.

Tôi cũng tri ân đến bạn Lê Huy Hoàng, đã hỗ trợ tôi rất nhiều từ giai đoạn lên ý tưởng đến việc đề xuất những phương pháp hữu ích cho bài luận này.

Nhân dịp này tôi xin gửi lời cảm ơn đến quý thầy cô ở khoa Toán - Tin học đã nhiệt tình truyền đạt cho tôi những kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu trong suốt quá trình học tập tại Khoa. Những kiến thức tích lũy được ở Khoa đã giúp tôi có nền tảng vững vàng cho việc phát triển tương lai sau này.

Cuối cùng, tôi xin cảm ơn gia đình, người thân, bạn bè đã luôn bên cạnh, ủng hộ, động viên.

Tp.HCM, ngày 12 tháng 6 năm 2023
Tác giả

Ngô Phú Thịnh

Mục lục

1. Lời nói đầu	5
2. Kiến thức chuẩn bị	5
2.1. Hệ thống pháp luật Việt Nam	5
2.1.1. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật	5
2.1.2. Hệ thống các ngành luật	6
2.2. Large Language Model	8
2.3. Generative Pretrained Transformer,	9
2.4. ChatGPT	9
2.5. Bing AI	10
2.6. Multimodal Model	11
2.7. Chroma	13
2.8. Langchain	13
3. Ứng dụng và thách thức	13
3.1. AI trong tra cứu văn bản	13
3.2. AI trong soạn thảo	13
3.3. Robot luật sư	13
3.4. Robot luật sư cá nhân	13
4. Thử nghiệm	14
4.1. Xây dựng bộ dữ liệu văn bản vi phạm pháp luật	14
4.1.1. Sơ lược về dữ liệu	14
4.1.2. Cấu trúc dữ liệu	16
4.2. Xây dựng bộ dữ liệu câu hỏi luật	17
4.3. Tra cứu văn bản luật bằng ChatGPT API	17
5. Kết luận	17
Tài liệu tham khảo	19

1. Lời nói đầu

Giới thiệu luận văn...

Nội dung luận văn bao gồm xx chương:

Giới thiệu luận văn...

Nội dung luận văn bao gồm xx chương:

2. Kiến thức chuẩn bị

2.1. Hệ thống pháp luật Việt Nam

Hệ thống pháp luật Việt Nam là tổng thể những quy phạm pháp luật, các nguyên tắc, định hướng, mục đích của pháp luật có mối liên hệ mật thiết, thống nhất với nhau và được phân định thành các ngành luật, các chế định pháp luật và được thể hiện trong những văn bản do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền ban hành theo các hình thức, thủ tục nhất định để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam.

Hệ thống pháp luật bao gồm hệ thống cấu trúc bên ngoài (Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật) và hệ thống cấu trúc bên trong (Hệ thống các ngành luật)

2.1.1. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

Hệ thống những văn bản quy phạm pháp luật là hình thức biểu hiện mối liên hệ bên ngoài của pháp luật thông qua các loại văn bản quy phạm pháp luật có giá trị cao thấp khác nhau được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành theo một trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, nhưng đều tồn tại trong thể thống nhất.

Các văn bản quy phạm pháp luật tạo nên hệ thống pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật có những đặc điểm:

- Nội dung của các văn bản quy phạm pháp luật là các quy phạm pháp luật do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.
- Các văn bản quy phạm pháp luật đều có tên gọi khác nhau (luật, nghị định, pháp lệnh...) do Hiến pháp quy định. Giá trị pháp lý của chúng cao thấp khác nhau do vị trí của cơ quan Nhà nước trong bộ máy nhà nước có quy định.
- Các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trong không gian (hiệu lực trong phạm vi khu vực lãnh thổ) và hiệu lực theo thời gian (bắt đầu có hiệu lực hay hết hiệu lực), hiệu lực theo nhóm người (có hiệu lực đối với nhóm người này và không có hiệu lực đối với nhóm người khác).

Theo Hiến pháp năm 2013 [1], Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 [2] quy định hệ thống những văn bản quy phạm pháp luật gồm các văn bản có giá trị pháp lý như sau:

1. Hiến pháp.

2. Bộ luật, luật, nghị quyết của Quốc hội.
3. Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
4. Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.
5. Nghị định của Chính phủ; nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
6. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
7. Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
8. Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước.
9. Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Không ban hành thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.
10. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh).
11. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
12. Văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.
13. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện).
14. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
15. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).
16. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2.1.2. Hệ thống các ngành luật

Hệ thống các ngành luật là tổng thể những quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất, phối hợp với nhau được phân chia thành những chế định pháp luật và các ngành luật.

Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện.

Cấu trúc của quy phạm pháp luật là cơ cấu bên trong, là những bộ phận hợp thành quy phạm pháp luật. Cấu trúc của quy phạm pháp luật đòi hỏi cần được trình bày chặt chẽ, ngắn gọn, có sự khái quát giúp người đọc dễ hiểu và dễ nhớ. Chính vì vậy, quy phạm

pháp luật thường được trình bày dựa theo một cơ cấu nhất định, gồm 3 bộ phận cấu thành là giả định, quy định, chế tài.

Giả định là một bộ phận của quy phạm pháp luật nêu lên các phạm vi tác động của quy phạm pháp luật. Tức là trong đó nêu rõ những hoàn cảnh và điều kiện có thể xảy ra trong cuộc sống và những cá nhân, tổ chức nào khi ở hoàn cảnh điều kiện đó phải chịu sự chi phối của quy phạm pháp luật đó. Nội dung bộ phận giả định của quy phạm pháp luật hay đề cập đến chủ thể, phạm vi không gian, thời gian, những trường hợp, hoàn cảnh và điều kiện nhất định của đời sống xã hội...Phần giả định giúp ta trả lời được các câu hỏi: Ai (cá nhân và tổ chức nào)? Khi nào? Trong điều kiện, hoàn cảnh nào?

Quy định là một bộ phận của quy phạm pháp luật, trong đó nêu lên cách xử sự mà chủ thể khi ở vào điều kiện, hoàn cảnh đã xác định trong bộ phận giả định của quy phạm pháp luật được phép và không được phép hoặc buộc phải thực hiện. Bộ phận quy định của quy phạm pháp luật thường trả lời cho các câu hỏi như: Được làm gì? Không được làm gì? Làm như thế nào? Phải làm gì?

Chế tài là một bộ phận của quy phạm pháp luật nêu lên những biện pháp tác động mà nhà nước dự kiến được áp dụng đối với chủ thể đã không thực hiện đúng bộ phận quy định của quy phạm pháp luật để đảm bảo cho pháp luật được thực hiện nghiêm minh.

Chế định pháp luật là một tập hợp gồm hai hay các quy phạm pháp luật điều chỉnh một nhóm quan hệ xã hội có tính chất chung, đồng thời có liên hệ mật thiết với nhau.

Ngành luật là tổng hợp những chế định pháp luật điều chỉnh các nhóm quan hệ xã hội cùng tính chất. Một số nhóm quan hệ xã hội có cùng tính chất hợp thành đối tượng nhằm điều chỉnh của một ngành luật.

Hệ thống các ngành luật là tổng hợp những ngành luật có quan hệ thống nhất nội tại, đồng thời phối hợp với nhau nhằm điều chỉnh các quan hệ trong các lĩnh vực khác nhau.

Ở nước ta hiện nay có các ngành luật cụ thể như sau:

- Luật hành chính gồm tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội hình thành trong quá trình tổ chức, thực hiện hoạt động chấp hành – điều hành của Nhà nước trên từng lĩnh vực của đời sống xã hội. Đó là những quan hệ xã hội nảy sinh trong quá trình quản lý nhà nước.
- Luật Nhà nước là tổng thể những quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ cơ bản về tổ chức quyền lực Nhà nước, về chế độ chính trị, văn hóa – xã hội, kinh tế, chế độ bầu cử, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân,...
- Luật đất đai gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội hình thành trong lĩnh vực bảo vệ và quản lý và sử dụng đất.
- Luật dân sự gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ tài sản dưới hình thức hàng hóa – tiền tệ. Một số quan hệ nhân thân phi tài sản như quyền sáng chế và phát minh khoa học công nghệ, sáng tác các tác phẩm và văn học nghệ thuật.

- Luật tài chính gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực hoạt động thu chi tài chính của Nhà nước.
- Luật hôn nhân và gia đình gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội trong hôn nhân và gia đình (quan hệ nhân thân, quan hệ tài sản phát sinh do việc kết hôn giữa nam và nữ).
- Luật lao động gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh giữa người lao động, người sử dụng lao động (cá nhân hoặc tổ chức) trong các quan hệ trực tiếp làm ra của cải vật chất cho xã hội.
- Luật tố tụng dân sự gồm những quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ giữa cơ quan xét xử, viện kiểm sát nhân dân các cấp, đương sự và những người tham gia khác trong quá trình điều tra và xét xử những vụ án dân sự.
- Luật hình sự gồm những quy phạm pháp luật quy định hành vi nào là tội phạm và phải chịu hình phạt như thế nào.
- Luật tố tụng hình sự gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong việc điều tra, truy tố và xét xử những vụ án hình sự.
- Luật kinh tế là tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình quản lý và lãnh đạo hoạt động kinh tế của Nhà nước, cũng như trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức, đơn vị kinh tế.

Ngoài hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia còn tồn tại hệ thống pháp luật quốc tế. Những quy phạm của luật quốc tế được hình thành dựa trên cơ sở thỏa thuận giữa các quốc gia, đồng thời thể hiện ý chí chung của quốc gia đó. Luật quốc tế bao gồm:

- Công pháp quốc tế là tổng hợp các nguyên tắc, những chế định và những quy phạm được các quốc gia và những chủ thể khác của luật quốc tế xây dựng nên trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện, bình đẳng.
- Tư pháp quốc tế bao gồm các nguyên tắc, quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ dân sự, hôn nhân – gia đình, thương mại, lao động và tố tụng dân sự nảy sinh giữa các công dân và các tổ chức thuộc các nước khác nhau.

2.2. Large Language Model

Large Language Model (LLM) là một mô hình ngôn ngữ sử dụng deep neural network¹ với số lượng tham số rất lớn (thường là hàng tỷ trọng số hoặc nhiều hơn), được huấn luyện trên lượng lớn văn bản không được gán nhãn bằng cách sử dụng học tự giám sát hoặc học bán giám sát. LLM xuất hiện vào khoảng năm 2018 và thể hiện khả năng xử lý tốt nhiều loại nhiệm vụ khác nhau. Điều này đã thay đổi tâm điểm của nghiên cứu xử lý ngôn ngữ tự nhiên từ mô hình giám sát chuyên biệt cho từng nhiệm vụ sang mô hình đa năng có thể thích ứng với nhiều tình huống. LLM thường được áp dụng trong các ứng dụng xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP) như hiểu, tóm tắt, dịch, sinh và dự đoán văn bản mới.

¹Deep neural network (DNN) là một mạng nơ-ron nhân tạo (ANN) với nhiều lớp ẩn giữa lớp đầu vào và lớp đầu ra. DNN có thể được huấn luyện với dữ liệu không được gán nhãn và được sử dụng để phân loại, phân cụm và trích xuất đặc trưng. DNN là một phần của họ các mô hình học sâu (deep learning).

Một ví dụ của LLM là GPT, viết tắt của Generative Pre-trained Transformer. GPT là một mô hình biến đổi được tiền huấn luyện trên một tập dữ liệu văn bản rộng lớn, sau đó được tinh chỉnh cho các nhiệm vụ cụ thể như sinh văn bản, trả lời câu hỏi, phân loại văn bản và hơn thế nữa. GPT có khả năng sinh ra các đoạn văn bản có ý nghĩa và trôi chảy từ một đầu vào bất kỳ, chẳng hạn như một câu, một từ khóa hoặc một hình ảnh. Phiên bản mới nhất của GPT là GPT-4[3], có khoảng 100 tỷ tham số và được huấn luyện trên khoảng 10 triệu từ.

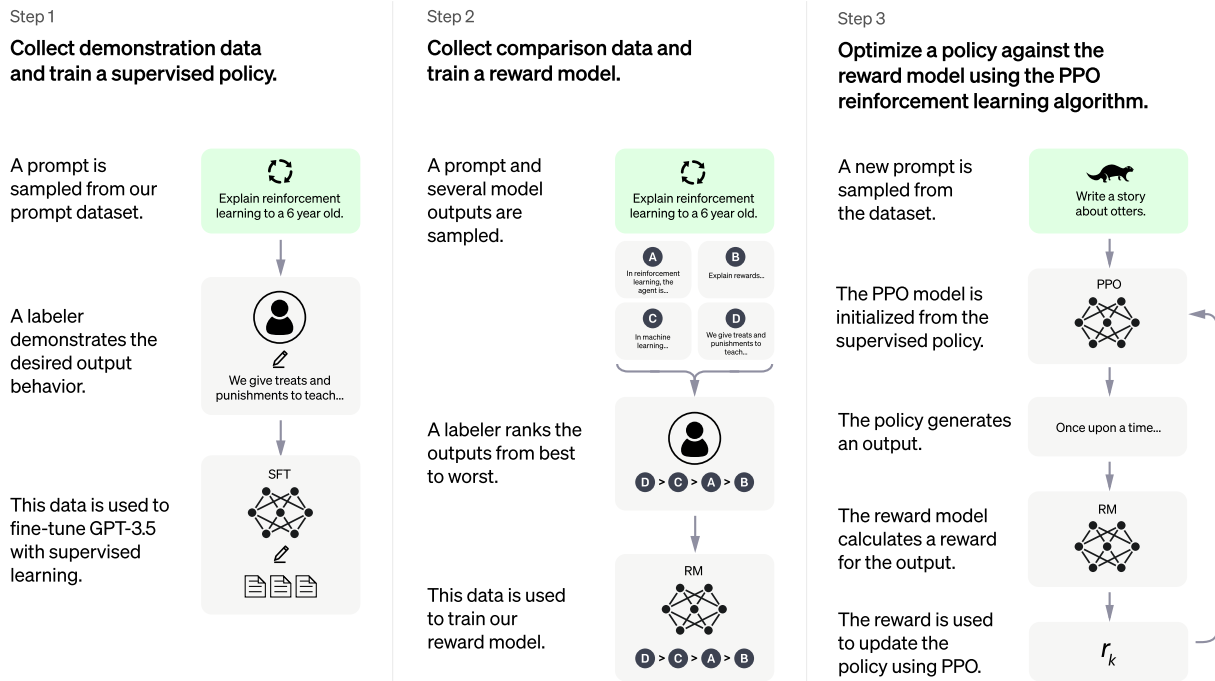
2.3. Generative Pretrained Transformer,

Generative Pre-trained Transformer (GPT), một loại mô hình học sâu có khả năng sinh văn bản tự động dựa trên dữ liệu huấn luyện lớn. GPT được phát triển bởi OpenAI². GPT có nhiều phiên bản khác nhau, từ GPT-1 ra mắt vào năm 2018 đến GPT-3 ra mắt vào năm 2020. Mỗi phiên bản đều có số lượng tham số và khả năng sinh văn bản cao hơn phiên bản trước. Ví dụ, GPT-3 có 175 tỷ tham số và có thể sinh văn bản với độ dài tối đa là 2048 từ. GPT có thể áp dụng cho nhiều ứng dụng khác nhau, như viết tiêu đề, tóm tắt, bài luận, thơ, hội thoại và nhiều thứ khác. Ví dụ, GPT-3 có thể viết một bài luận ngắn về tác dụng của việc đọc sách hoặc một câu chuyện ngắn về một chú mèo tên Tom. GPT là một trong những mô hình học sâu tiên tiến nhất hiện nay trong lĩnh vực xử lý ngôn ngữ tự nhiên.

2.4. ChatGPT

ChatGPT là một chatbot AI hoạt động dựa trên mô hình GPT-3.5 được phát triển bởi OpenAI. ChatGPT có khả năng tương tác với người dùng thông qua việc trả lời các câu hỏi và hoàn thành các tác vụ liên quan đến ngôn ngữ như viết kịch bản, lời thoại, dịch thuật, tìm kiếm thông tin,... mà không giới hạn về chủ đề. ChatGPT được đào tạo bằng phương pháp Học tăng cường từ phản hồi của con người (RLHF – Reinforcement Learning from Human Feedback)[4], nên có thể hiểu ngữ cảnh, ghi nhớ thông tin người dùng nói, dự đoán nhu cầu của họ để đưa ra các phản hồi chính xác nhất. ChatGPT là một ứng dụng nổi bật của GPT-3, một trong những mô hình xử lý ngôn ngữ tự nhiên (Natural Language Processing) tiên tiến nhất hiện nay. ChatGPT có thể được áp dụng cho nhiều lĩnh vực khác nhau như chăm sóc khách hàng, sáng tạo nội dung, giáo dục,... ChatGPT là một bước tiến quan trọng trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo và có tiềm năng thay đổi cách con người giao tiếp và học tập trong tương lai.

²OpenAI là một tổ chức nghiên cứu trí tuệ nhân tạo phi lợi nhuận được thành lập vào tháng 12 năm 2015, có trụ sở tại San Francisco, California. OpenAI được thành lập bởi Elon Musk, Sam Altman và các nhà nghiên cứu khác, với mục tiêu “điều tra và thúc đẩy một trí tuệ nhân tạo thân thiện với con người

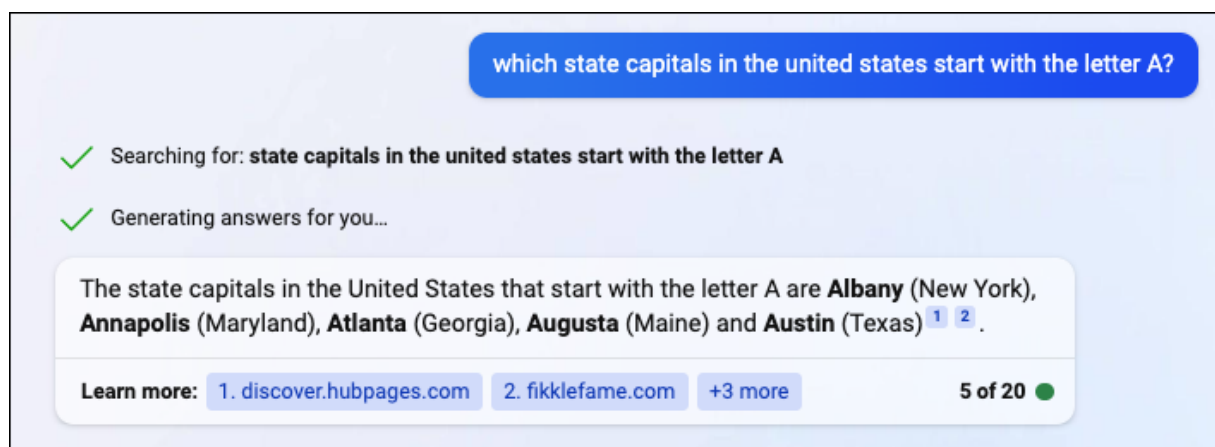


Hình 1: Sơ đồ hoạt động của ChatGPT

2.5. Bing AI

Bing AI[5] là một chatbot trí tuệ nhân tạo (AI) được phát triển bởi Microsoft và ra mắt vào năm 2023. Nó được xây dựng trên nền tảng của mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) GPT-4 của OpenAI và đã được tinh chỉnh sử dụng cả các kỹ thuật học có giám sát và học tăng cường.

Bing AI không chỉ sinh văn bản dựa theo xác suất như ChatGPT của OpenAI, mà còn có thể dẫn được nguồn của văn bản mà nó tham chiếu tới do đó nội dung có tính xác thực cao hơn. Ngoài ra, Bing AI còn có thể trả lời các câu hỏi phức tạp, tương tác với người dùng qua chat, và tạo ra nội dung sáng tạo như thơ, truyện, mã nguồn, bài viết, bài hát và nhiều thứ khác.



Hình 2: Giao diện của Bing AI

2.6. Multimodal Model

Multimodal Model là một hệ thống trí tuệ nhân tạo xử lý nhiều dạng dữ liệu cảm quan cùng lúc. Học trong Multimodal Model kết hợp các dữ liệu từ các cảm biến và nguồn khác vào một mô hình, tạo ra các dự đoán linh hoạt hơn.

Multimodal Model gồm nhiều mạng nơ-ron unimodal, xử lý từng dạng dữ liệu riêng biệt. Sau đó, các đặc trưng được mã hóa từ các mạng unimodal được kết hợp lại để tạo ra một đại diện chung cho tất cả các dạng dữ liệu. Cuối cùng, đại diện chung này được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ mong muốn.

Multimodal Model là đề tài nóng của trí tuệ nhân tạo. Ví dụ nổi bật là GPT-4 của OpenAI, một mô hình lớn xử lý văn bản và hình ảnh và tạo ra văn bản. GPT-4 đã đạt được hiệu suất ở mức con người trên nhiều tiêu chuẩn chuyên nghiệp và học thuật. Multimodal Model có tiềm năng ứng dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

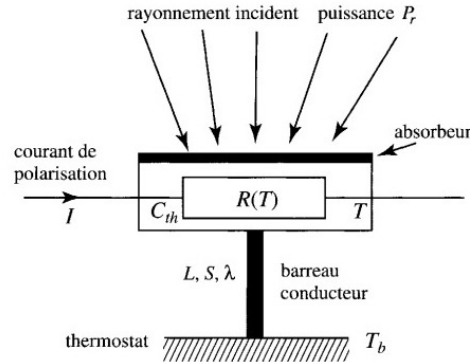
GPT-4 visual input example, École Polytechnique Exam Question:

User Answer question I.1.a. Think step-by-step.

I. Principe de la détection de rayonnement avec un bolomètre

Comme illustré sur la figure 1 un bolomètre est constitué d'un absorbeur qui reçoit le rayonnement que l'on désire détecter. Sa température T , supposée uniforme, est mesurée à l'aide d'un thermomètre incorporé, constitué d'un matériau conducteur dont la résistance $R(T)$ varie avec la température T ; cette variation est caractérisée par le coefficient $\alpha = \frac{1}{R} \frac{dR}{dT}$. L'ensemble possède la capacité thermique C_{th} .

Un barreau, conducteur thermique, homogène, de longueur L , de section S et de conductivité thermique λ et sans échanges thermiques latéraux, relie le bolomètre à un thermostat de température T_b fixe.



I.1. Dans cette première partie, on étudie le comportement du bolomètre en régime stationnaire, à la température de fonctionnement $T = T_0$.

I.1.a) Exprimer la température $T(x)$ en tout point du barreau conducteur repéré par son abscisse x ; on prendra $T(0) = T_0$ et $T(L) = T_b$.

GPT-4

To answer question I.1.a, we need to express the $T(x)$ in every point of the conductive bar, which is characterized by the abscissa x . We are given that $T(0) = T_0$ and $T(L) = T_b$.

For a stationary regime, the heat equation for the one-dimensional heat conduction in the bar is:

$$d^2T / dx^2 = 0$$

Integrating once, we get:

$$dT / dx = C_1$$

Integrating a second time:

$$T(x) = C_1x + C_2$$

To determine the constants C_1 and C_2 , we use the boundary conditions:

$$T(0) = T_0, \text{ which gives } C_2 = T_0$$

$$T(L) = T_b, \text{ which gives } C_1 = (T_b - T_0) / L$$

Finally, the expression for $T(x)$ is:

$$T(x) = (T_b - T_0) * (x / L) + T_0$$

This represents a linear temperature profile along the conductive bar, with a slope of $(T_b - T_0) / L$.

Hình 3: Ví dụ về Multimodal Model, người dùng yêu cầu GPT4 trả lời câu hỏi về vấn đề vật lý được viết bằng tiếng Pháp

2.7. Chroma

2.8. Langchain

3. Ứng dụng và thách thức

3.1. AI trong tra cứu văn bản

3.2. AI trong soạn thảo

3.3. Robot luật sư

3.4. Robot luật sư cá nhân

4. Thử nghiệm

4.1. Xây dựng bộ dữ liệu văn bản vi phạm pháp luật

4.1.1. Sơ lược về dữ liệu

Theo dữ liệu từ Thư viện pháp luật³, hiện nay Việt Nam có khoảng 303936 văn bản vi phạm pháp luật. Bao gồm 20 loại văn bản và 27 lĩnh vực khác nhau:

Loại văn bản	Số lượng	Loại văn bản	Số lượng
Quyết định	188360	Hướng dẫn	1772
Nghị quyết	30709	Báo cáo	1494
Kế hoạch	23301	Điều ước quốc tế	1331
Thông tư	15067	Công điện	1244
Thông báo	13588	Sắc lệnh	997
Chỉ thị	13438	Lệnh	526
Nghị định	5191	Luật	486
Văn bản khác	2608	Pháp lệnh	228
Thông tư liên tịch	2605	Văn bản WTO	68
Văn bản hợp nhất	2162	Hiến pháp	5

Bảng 1: Số lượng văn bản vi phạm pháp luật theo loại văn bản

³thuvienphapluat.vn là trang chuyên cung cấp cơ sở dữ liệu, tra cứu và thảo luận pháp luật

Lĩnh vực	Số lượng	Lĩnh vực	Số lượng
Bộ máy hành chính	105445	Công nghệ thông tin	12217
Tài chính nhà nước	42216	Xuất nhập khẩu	11535
Văn hóa - Xã hội	39014	Lĩnh vực khác	8607
Tài nguyên - Môi trường	25490	Quyền dân sự	5505
Thương mại	22388	Tiền tệ - Ngân hàng	4954
Xây dựng - Đô thị	21410	Bảo hiểm	2697
Bất động sản	21149	Dịch vụ pháp lý	2619
Thể thao - Y tế	19734	Thủ tục Tổ tụng	2350
Thuế - Phí - Lệ Phí	17592	Vi phạm hành chính	2225
Giáo dục	16278	Kế toán - Kiểm toán	1752
Giao thông - Vận tải	14825	Trách nhiệm hình sự	1515
Lao động - Tiền lương	14374	Sở hữu trí tuệ	965
Doanh nghiệp	12744	Chứng khoán	771
Đầu tư	12718		

Bảng 2: Số lượng văn bản vi phạm pháp luật theo lĩnh vực

Các thuộc tính của một văn bản quy phạm pháp luật gồm: tên văn bản, số hiệu văn bản, loại văn bản, nơi ban hành, người ký, ngày ban hành, ngày hiệu lực, ngày công báo, số công báo.

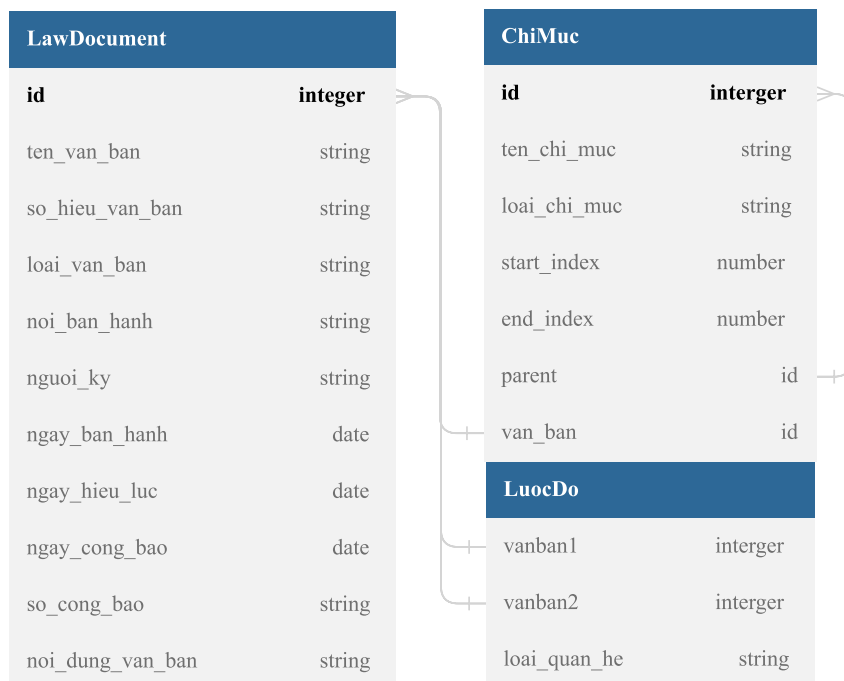
Ngoài ra các thuộc tính trên, còn có lược đồ thể hiện mối quan hệ giữa các văn bản quy phạm pháp luật dựa trên *văn bản đang tham chiếu*:

- Văn bản được hướng dẫn: là văn bản ban hành trước, có hiệu lực pháp lý cao hơn *Văn bản tham chiếu* và được *Văn bản tham chiếu* hướng dẫn hoặc quy định chi tiết nội dung của nó.
- Văn bản được hợp nhất: Là văn bản ban hành trước, bao gồm các văn bản được sửa đổi, bổ sung và văn bản sửa đổi, bổ sung, được *Văn bản tham chiếu* hợp nhất nội dung lại với nhau.
- Văn bản bị sửa đổi bổ sung: Là văn bản ban hành trước, bị *Văn bản tham chiếu* sửa đổi, bổ sung một số nội dung.
- Văn bản bị đình chính: Là văn bản ban hành trước, bị *Văn bản tham chiếu* đình chính các sai sót như căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày,...
- Văn bản bị thay thế: Là văn bản ban hành trước, bị *Văn bản tham chiếu* quy định thay thế, bãi bỏ toàn bộ nội dung.
- Văn bản được dẫn chiếu: Là văn bản ban hành trước, trong nội dung của *Văn bản tham chiếu* có quy định dẫn chiếu trực tiếp đến điều khoản hoặc nhắc đến nó.

- Văn bản được căn cứ: Là văn bản ban hành trước *Văn bản tham chiếu*, bao gồm các văn bản quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành *Văn bản tham chiếu* văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành *Văn bản tham chiếu*.
- Văn bản liên quan ngôn ngữ: Là bản dịch Tiếng Anh của *Văn bản tham chiếu*.
- Văn bản hướng dẫn: Là bản tiếng Việt của *Văn bản tham chiếu*.
- Văn bản hợp nhất: Là văn bản ban hành sau, hợp nhất lại nội dung của *Văn bản tham chiếu* và văn bản sửa đổi, bổ sung của *Văn bản tham chiếu*.
- Văn bản sửa đổi bổ sung: Là văn bản ban hành sau, sửa đổi, bổ sung một số nội dung của *Văn bản tham chiếu*.
- Văn bản đính chính: Là văn bản ban hành sau, nhằm đính chính các sai sót như căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày,... của *Văn bản tham chiếu*.
- Văn bản thay thế: Là văn bản ban hành sau, có quy định đến việc thay thế, bãi bỏ toàn bộ nội dung của *Văn bản tham chiếu*.
- Văn bản liên quan cùng nội dung: Là văn bản có nội dung tương đối giống, hoặc có phạm vi điều chỉnh, đối tượng điều chỉnh tương tự *Văn bản tham chiếu*.

Mục lục của văn bản là phần quan trọng không thể thiếu. Tuy nhiên không phải văn bản nào cũng có mục lục, và cũng không có một định dạng chuẩn cho mục lục. Các chỉ mục thường thấy là: phần, chương, mục, điều, khoản, điểm.

4.1.2. Cấu trúc dữ liệu



Hình 4: Cấu trúc dữ liệu của văn bản vi phạm pháp luật

Trong phạm vi của bài luận này, tôi chỉ sử dụng các văn bản liên quan tới lĩnh vực bảo hiểm xã hội và việc làm để thử nghiệm và đánh giá:

- Luật Bảo hiểm xã hội 2014

- Văn bản hợp nhất 2089/VBHN-BHXH năm 2020 hợp nhất Quyết định về Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế do Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành
- Thông tư 59/2015/TT-BLĐTBXH quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành
- Nghị định 115/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc
- Nghị định 146/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật bảo hiểm y tế
- Nghị định 28/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp
- Luật việc làm 2013
- Bộ luật Lao động 2019
- Thông tư 56/2017/TT-BYT về hướng dẫn Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành
- Nghị định 134/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện
- Quyết định 28/2021/QĐ-TTg quy định về thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Thủ tướng Chính phủ ban hành
- Luật bảo hiểm y tế 2008
- Luật Bảo hiểm y tế sửa đổi 2014
- Quyết định 166/QĐ-BHXH năm 2019 về Quy trình giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, chi trả chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành
- Nghị định 61/2020/NĐ-CP về sửa đổi Nghị định 28/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp

4.2. Xây dựng bộ dữ liệu câu hỏi luật

4.3. Tra cứu văn bản luật bằng ChatGPT API

5. Kết luận

Phụ lục

Hình 1: Sơ đồ hoạt động của ChatGPT	10
Hình 2: Giao diện của Bing AI	10
Hình 3: Ví dụ về Multimodal Model, người dùng yêu cầu GPT4 trả lời câu hỏi về vấn đề vật lý được viết bằng tiếng Pháp	12
Bảng 1: Số lượng văn bản vi phạm pháp luật theo loại văn bản	14
Bảng 2: Số lượng văn bản vi phạm pháp luật theo lĩnh vực	15
Hình 4: Cấu trúc dữ liệu của văn bản vi phạm pháp luật	16

Tài liệu tham khảo

- [1] “Hiến pháp năm 2013,” Quốc hội, 2013.
- [2] “Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015,” Quốc hội, 2015.
- [3] OpenAI, “Gpt-4 technical report,” 2023.
- [4] N. Lambert, L. Castricato, L. von Werra, and A. Havrilla, “Illustrating reinforcement learning from human feedback (rlhf),” *Hugging Face Blog*, 2022.
- [5] Y. Mehdi, “Reinventing search with a new ai-powered microsoft bing and edge, your copilot for the web,” 2023. [Online]. Available: <https://blogs.microsoft.com/blog/2023/02/07/reinventing-search-with-a-new-ai-powered-microsoft-bing-and-edge-your-copilot-for-the-web/>